

Số: 115/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 129/2026/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026 về việc “Ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: **Phạm Thị T**, sinh năm 1957. Địa chỉ: **Tổ A, phường B, tỉnh Thái Nguyên**.

- Bị đơn: **Phạm Quang L**, sinh năm: 1957. Địa chỉ: **Thôn N, xã C, tỉnh Lào Cai**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, **57 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự**; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và **hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2026**.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **28 tháng 8 năm 2026** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Phạm Thị T** và ông **Phạm Quang L**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Bà **Phạm Thị T** và ông **Phạm Quang L** thuận tình ly hôn.

* **Về nuôi con chung:** Bà **Phạm Thị T** và ông **Phạm Quang L** có 01 (một) con chung **Phạm Văn V**, sinh ngày 28/3/1983. Hiện nay anh **V** đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên bà **T**, ông **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về tài sản chung:** Bà **Phạm Thị T** và ông **Phạm Quang L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về nợ chung:** Không có.

* **Về án phí:** Nguyên đơn và bị đơn đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và Điều 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân KV6 – TN;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên (Qua Phòng THADS KV6- TN);
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên (kèm BBHGT);
- Ủy ban nhân dân xã Hải Anh, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lường Thị Thu Hòa